CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi

Ngày 31/12/2025	40,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**0.7%**	**-**

DT thuần
Q4/25
2,159
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 781| 56.7%
YoY: ▲ 971| 81.8%

LN thuần
Q4/25
50.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.3| 57.6%
YoY: ▲ 22.8| 83.5%

LN sau thuế
Q4/25
45.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.3| 41.9%
YoY: ▲ 22.6| 101%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.7%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE
2025
13.3%
YoY: +/-▼ 0.3%

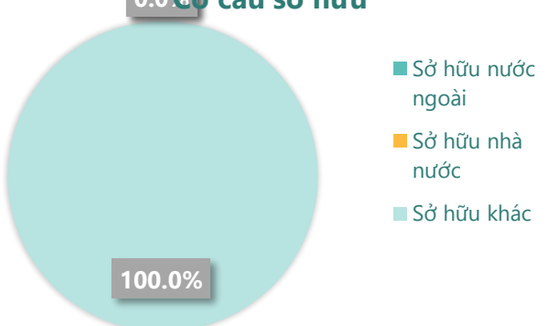
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	37,661 - 46,832
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,320
Số lượng CPLH (CP)	32,747,339
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,195
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	4,873
P/E	8.3

DT thuần
2025
6,584
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0| 0.3%

LN thuần
2025
168
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 3.7%

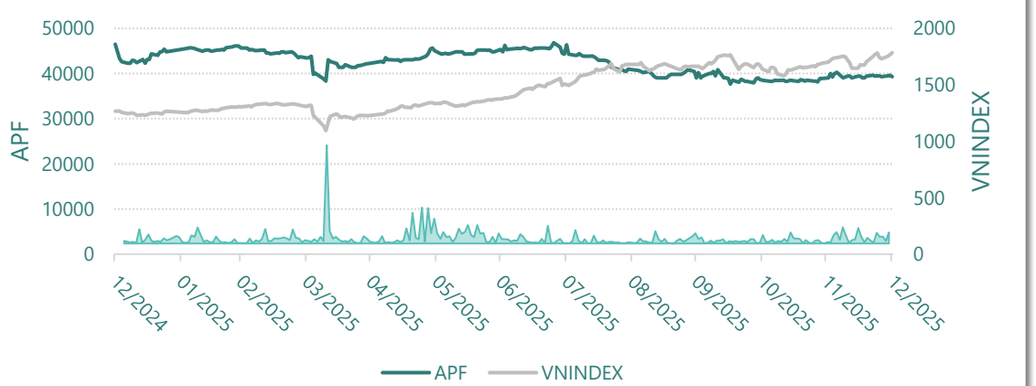
LN sau thuế
2025
163
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 4.3%

Cơ cấu sở hữu

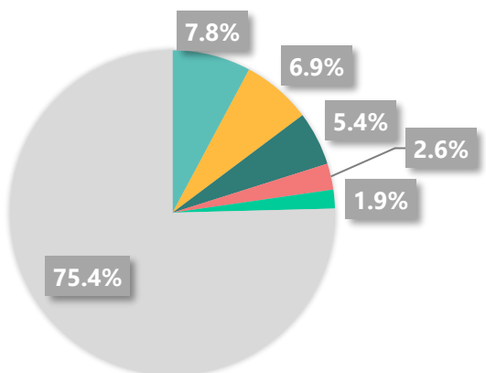


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



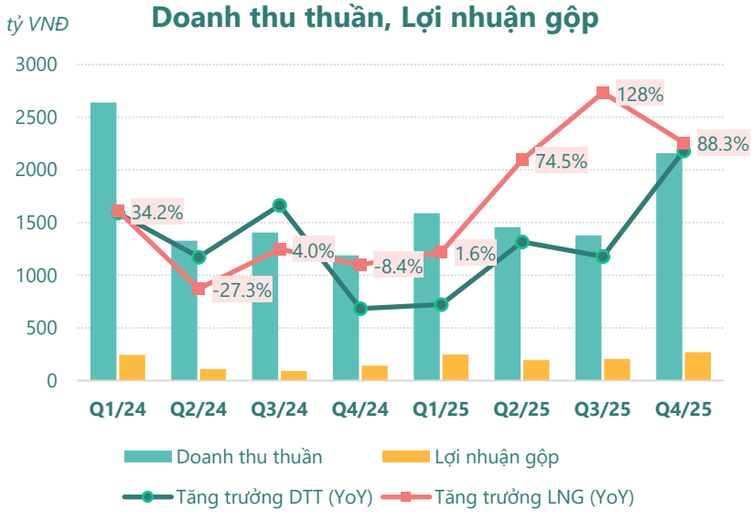
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

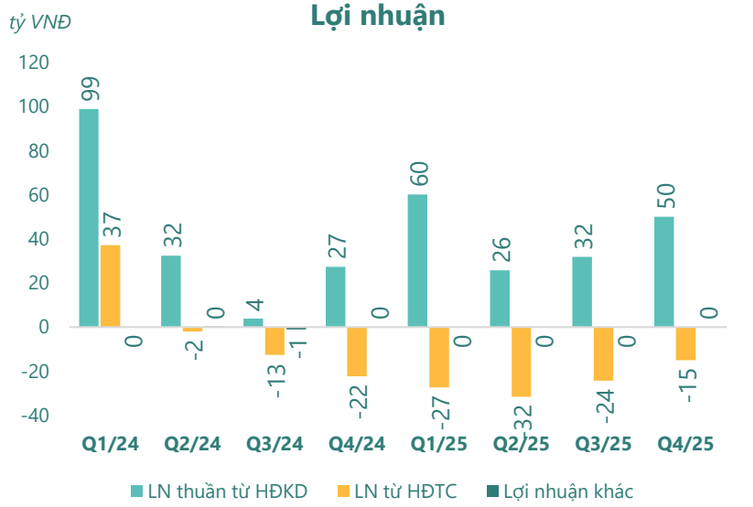
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



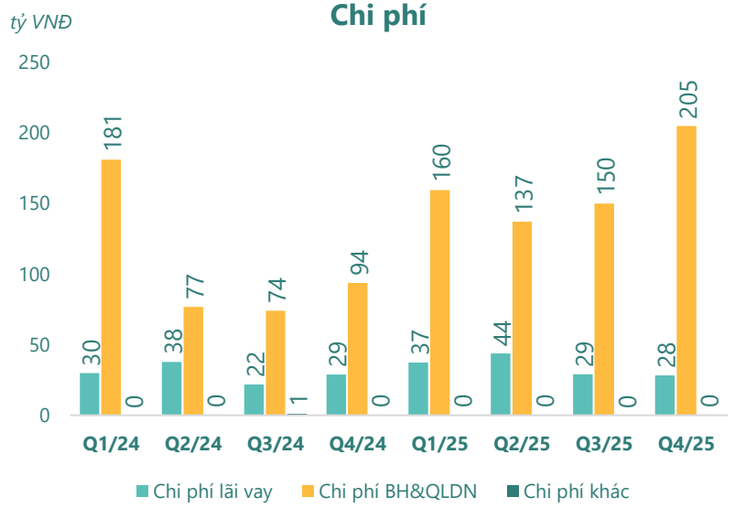
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



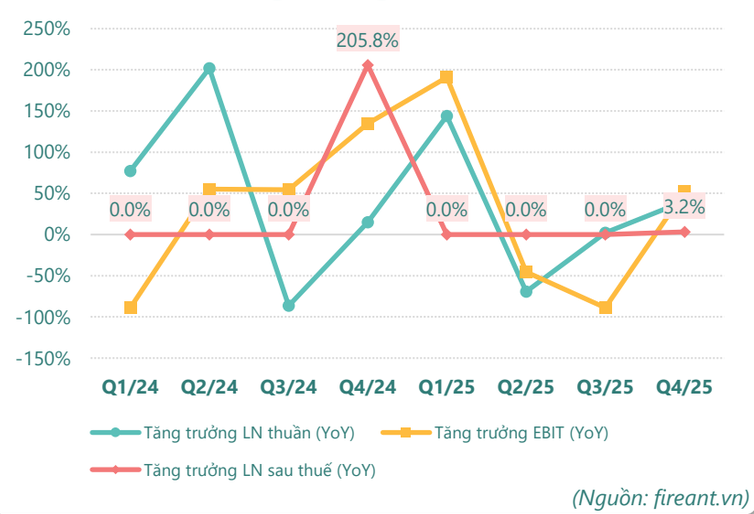
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



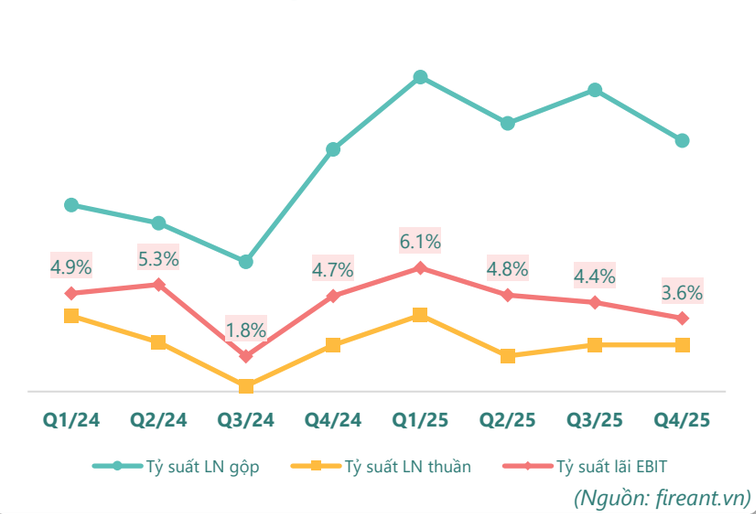
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



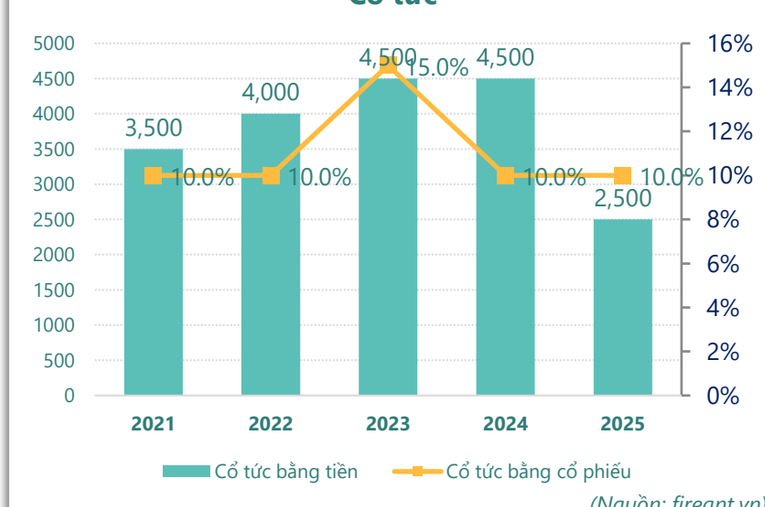
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

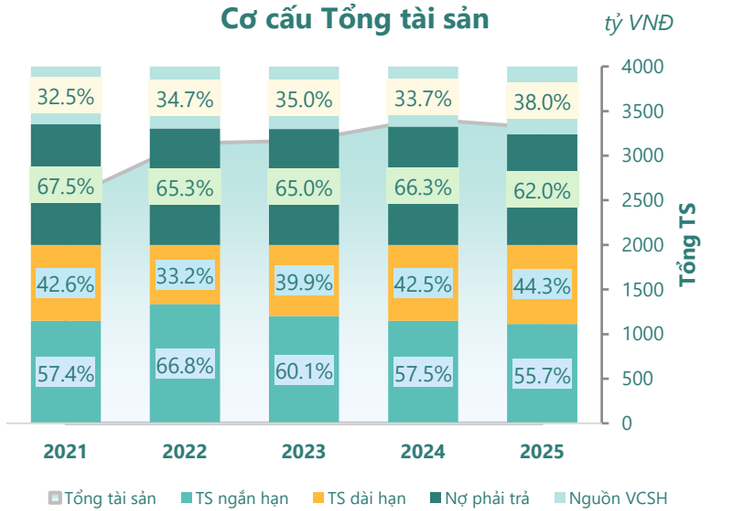
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

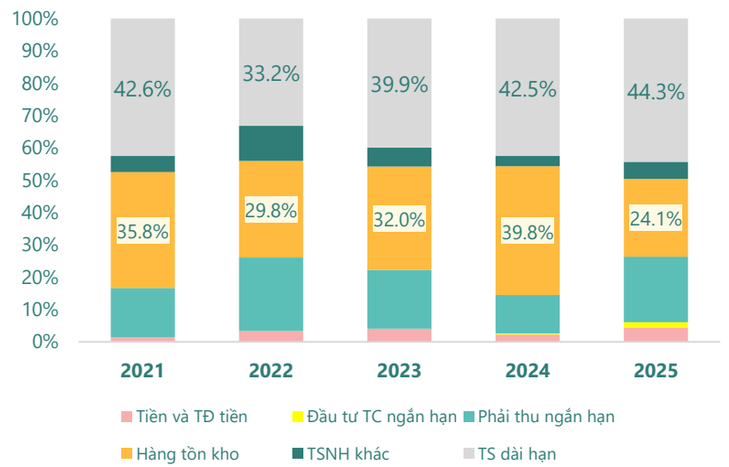
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



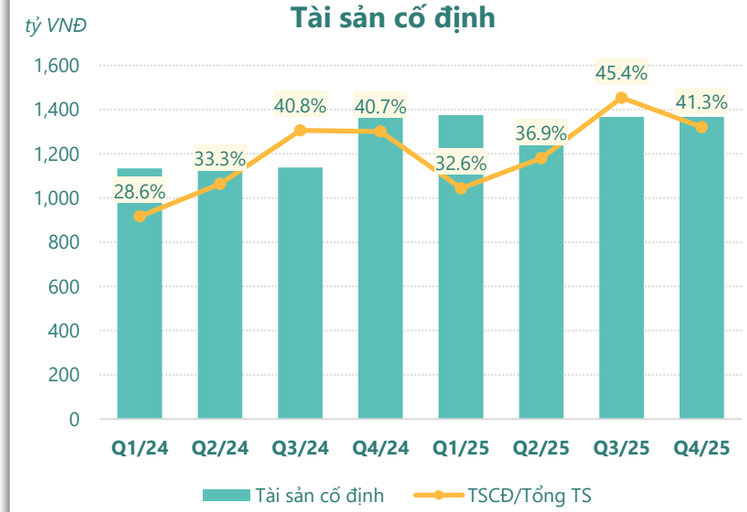
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



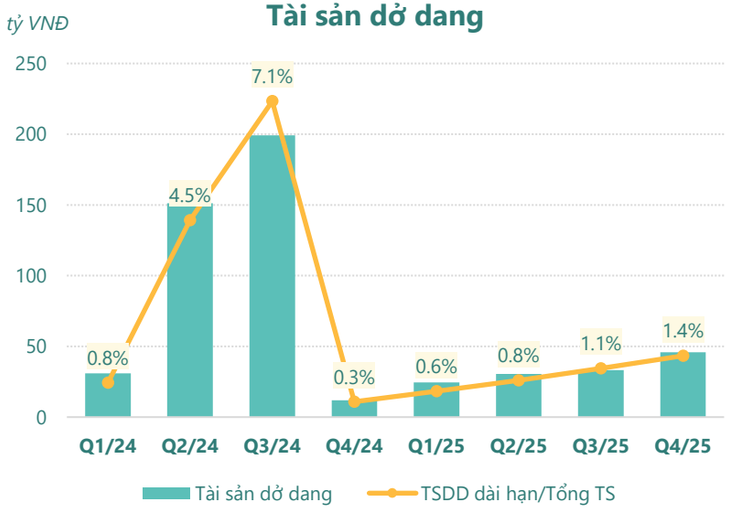
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



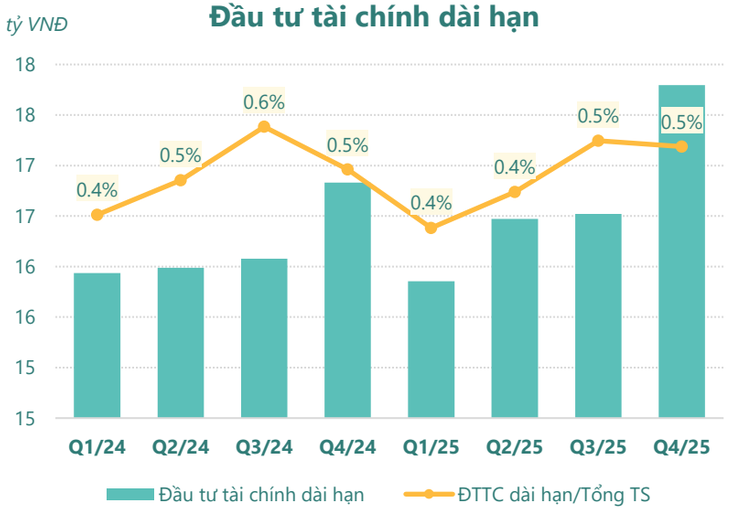
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



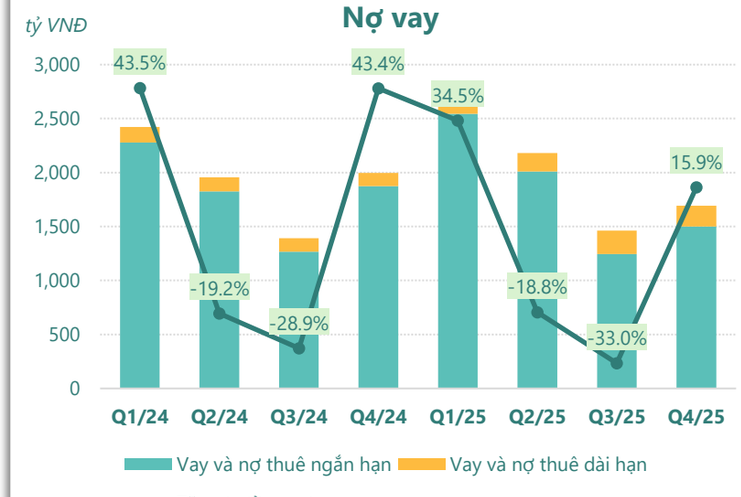
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

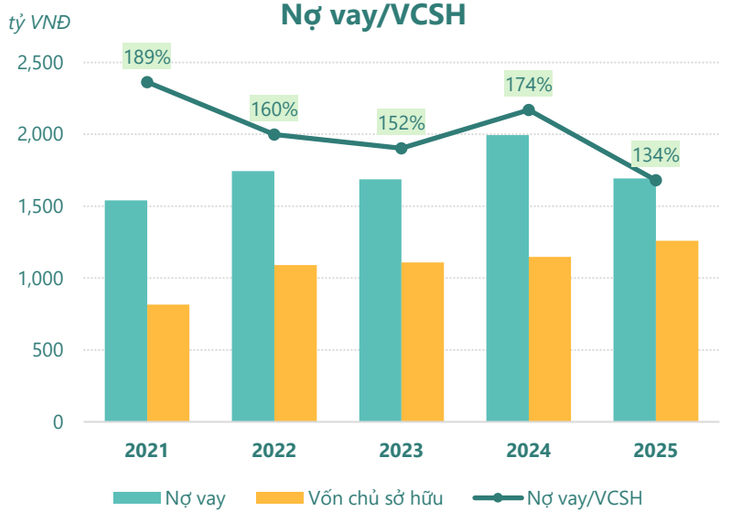
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



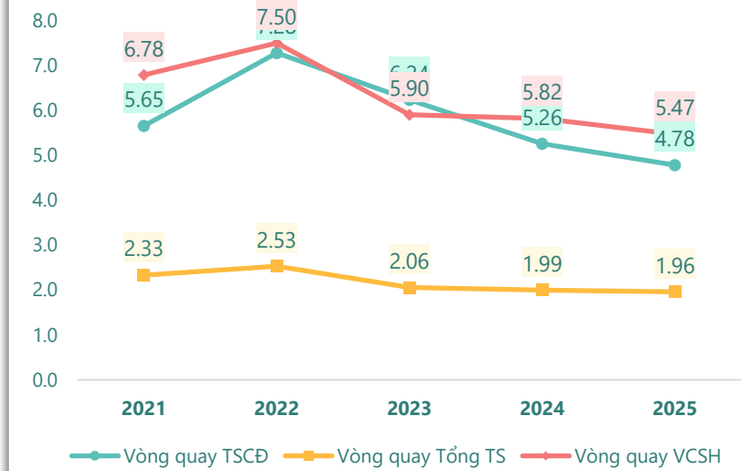
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



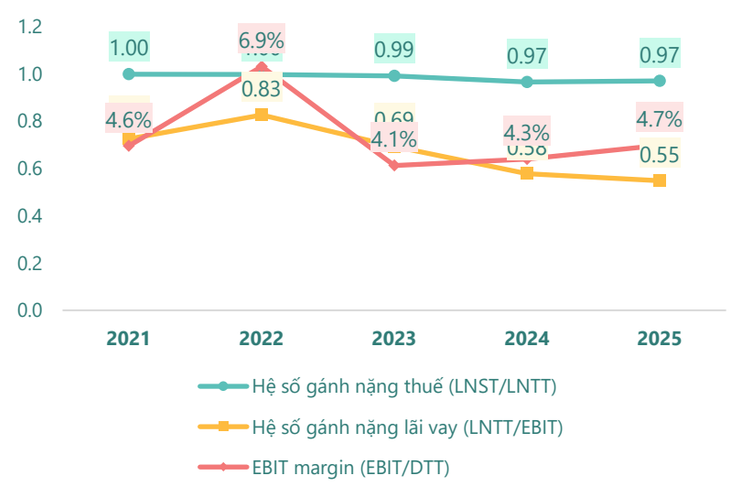
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



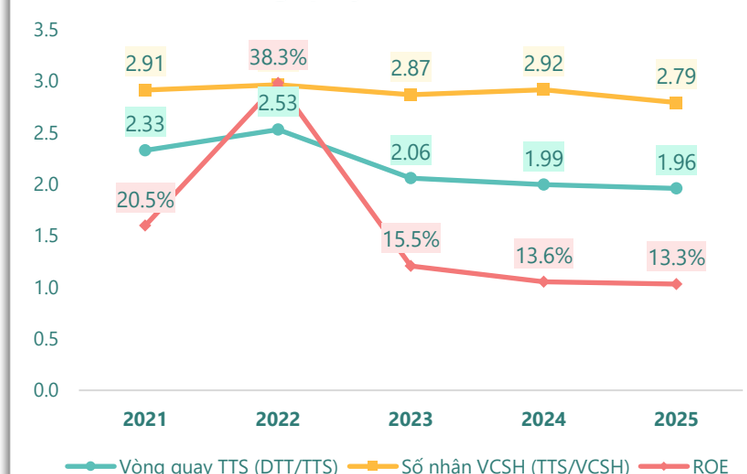
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



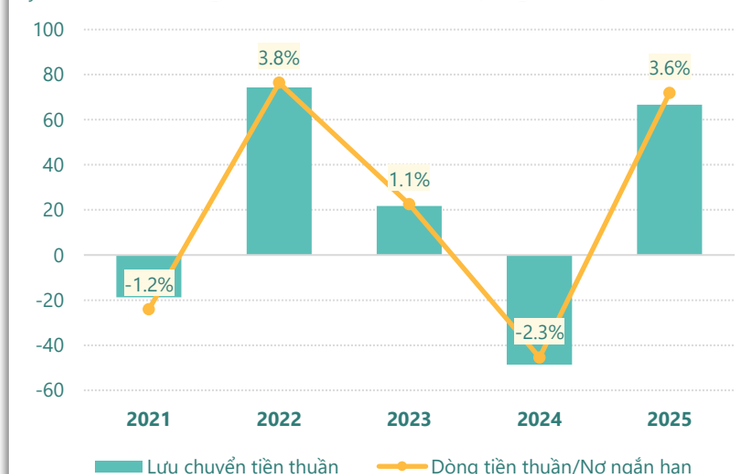
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,159**	**1,188**	**81.8%**	**6,584**	**6,562**	**0.3%**
Giá vốn hàng bán	1,891	1,045	80.9%	5,667	5,974	-5.1%
Lợi nhuận gộp	269	143	87.9%	917	589	55.8%
Doanh thu HĐTC	17.7	11.3	56.3%	53.7	134	-59.8%
Chi phí TC	32.6	33.6	-2.9%	152	133	14.0%
Chi phí lãi vay	28.2	28.9	-2.5%	138	118	17.1%
LN trong công ty LKLD	**1.27**	**0.76**	**67.5%**	**0.99**	**-0.45**	**322%**
Chi phí bán hàng	173	77.8	123%	587	375	56.5%
Chi phí QLDN	**31.5**	**16.0**	**96.8%**	**65.2**	**51.8**	**26.0%**
LN thuần từ HĐKD	50.1	27.3	83.5%	168	162	3.7%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.08**	**-8.7%**	**-0.10**	**-0.27**	**65.1%**
LN trước thuế	50.2	27.4	83.1%	168	162	3.8%
Lợi nhuận sau thuế	**45.1**	**22.5**	**101%**	**163**	**156**	**4.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**43.0**	**21.7**	**98.2%**	**160**	**153**	**4.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	822	-579	-600	530	819	-91.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-106	-51.7	-58.7	-41.5	-61.4	-51.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-636	604	659	-505	-765	233
Tiền đầu kỳ	26.9	101	78.4	80.1	64.7	57.3
Lưu chuyển tiền thuần	**79.8**	**-26.3**	**0.77**	**-16.3**	**-7.35**	**89.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-5.21	3.56	0.97	0.81	-0.07	1.33
Tiền cuối kỳ	101	78.8	80.1	64.7	57.3	148

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,312**	**3,411**	**-2.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,845	1,960	-5.9%
Tiền và tương đương tiền	148	78.4	88.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	10.0	420%
Phải thu ngắn hạn	672	406	65.5%
Hàng tồn kho	798	1,357	-41.2%
Tài sản ngắn hạn khác	174	108	60.8%
Tài sản dài hạn	**1,467**	**1,451**	**1.1%**
Phải thu dài hạn	1.35	1.28	5.5%
Tài sản cố định	1,367	1,387	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	45.9	11.6	295%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.8	16.8	5.9%
Tài sản dài hạn khác	**34.5**	**34.1**	**1.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,052	2,262	-9.3%
Nợ ngắn hạn	**1,857**	**2,140**	**-13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,501	1,874	-19.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	196	95.6	105%
Nợ dài hạn	195	122	60.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	193	120	61.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,260**	**1,148**	**9.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,260**	**1,148**	**9.7%**
Vốn điều lệ	327	298	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)